

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/HS-ST
Ngày: 10-7-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Công Nhân

Bà Cao Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Lê An Hiệp – Kiểm sát viên;

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2277/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Đoàn Văn C, sinh năm 1996 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số A ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông (không xác định); con bà Đoàn Thị T, sinh năm 1971; có 01 con sinh năm 2022; tiền án: không; tiền sự: có 01 tiền sự, tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 71/QĐ-XPHC ngày 18/9/2023 của Trưởng Công an huyện T đã xử phạt 6.500.000 đồng về hành vi “Cố ý gây thương tích hoặc tổn hại sức khỏe của người khác nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự”, nộp phạt xong ngày 09/4/2024; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/12/2023, đến ngày 19/12/2023 chuyển tạm giam cho đến nay; có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Quốc D (chết):

+ Ông Lê Hoàng N, sinh năm 1966 (cha bị hại) và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1968 (mẹ bị hại). Nơi cư trú: Số A ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre.

+ Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1993 (vợ bị hại). Nơi cư trú: Tổ D, ấp T,

xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

+ *Người đại diện theo uỷ quyền của ông N, bà T1, chị L:* Ông Lê Quốc H1, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Số A ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Lê Văn Q, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Số A ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre; có mặt.

2. Ông Lê Long T2, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Số A ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Ngọc Q1, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Số A ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

4. Anh Đoàn Văn T3, sinh năm 2003. Nơi cư trú: Số B ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre; có mặt.

5. Anh Bùi Văn D1, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Số H ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre; có mặt.

- *Đại diện gia đình bị cáo:* Anh Trương Văn N1, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Số A ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 16/12/2023, Đoàn Văn C cùng với Nguyễn Ngọc Q1, Trương Văn N1, Đoàn Văn T3 và Đỗ Văn Lam G tổ chức uống rượu tại quán N2 tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Trong lúc uống rượu, C nhớ lại việc Lê Long T2 còn thiếu Trương Thị R (em của C) số tiền 1.500.000 đồng nên C nhờ Đoàn Văn T3 đi mua 02 con dao, loại dao Thái Lan để C đi tìm T2. T3 điều khiển xe mô tô biển số 71C3-066.98 (xe của Nguyễn Ngọc Q1) đi đến tiệm T5 mua 02 con dao với giá 50.000 đồng. Sau khi mua dao, Thiên bỏ trong cốp xe của Q1 rồi trở về nói cho C biết. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, C nhờ Q1 chở đi đến nhà T2 thì Q1 đồng ý và điều khiển xe mô tô biển số 71C3-066.98 chở C đi. Khi đến nhà của T2, C không gặp T2 mà gặp Nguyễn Thị H2 (vợ của T2), Nguyễn Quang T4 và Võ Duy P. Hai bên xảy ra cự cãi với nhau, C đến mở cốp xe lấy dao ra đe dọa thì bị T4 và P cầm cây lên định đánh nhau thì Q1 vào can ngăn và chở C về. Khi C và Q1 về đến khu vực trước nhà nghỉ D3 ở ấp T, xã T, huyện T thì T2 điều khiển xe mô tô chở Lê Quốc Dương c theo 01 đoạn gỗ, Bùi Văn D1 chở theo Lê Văn Q đuổi theo kịp xe của Q1 chở C. C bị D dùng cây đánh trúng vào vùng lưng, Q1 điều khiển xe tránh né nên xe của C và Q1 bị ngã xuống mặt đường Q bị bất tỉnh tại chỗ, còn C cầm dao bỏ đi thì

Lê Quốc Dương c cây đi đến chỗ C gơ cây lên định đánh C thì bị C dùng dao đâm vào vùng bụng phải của D 01 cái, T2 và Q cầm cây xông tới đánh C thì bị C dùng dao chống trả gây thương tích cho Q và T2. Sau khi đâm D xong C đi về nhà, còn D được đưa đến bệnh viện đa khoa huyện T để cấp cứu, đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày thì D tử vong. Sau khi biết D tử vong, C đến Công an xã T, huyện T đầu thú về hành vi phạm tội của mình và giao nộp con dao dùng để đâm chết D.

Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại di động, hiệu Iphone màu xám – trắng, mặt trước màu đen, mặt lưng điện thoại có vết móp, cường lực dán điện thoại bị rạn nứt (không khởi động được);

- 01 kính chiếu hậu xe mô tô;

- 02 đoạn gỗ bị gãy tách còn mới. Đoạn thứ nhất dài 13cm, có cạnh không đều nhau, cạnh nơi rộng nhất 04cm, cạnh ngang rộng nhất 1,7cm; đoạn thứ hai dài 21cm, cạnh nơi rộng nhất 04cm, cạnh ngang rộng nhất 02cm;

- Dấu vết màu nâu nghi máu trên mặt đường (được niêm phong ký hiệu A4);

- 01 chiếc dép quai kẹp màu đen – đỏ, có chữ BITIS, đế dép mặt trên màu đen, mặt dưới màu đỏ;

- 01 đoạn gỗ dài 1,02cm, có cạnh 04cm x 03cm, một đầu đoạn gỗ bị gãy tách còn mới, đầu còn lại của đoạn gỗ có dính nhiều vết màu nâu nghi máu dạng quệt;

- 03 đoạn video được lưu giữ trong 01 đĩa DVD được niêm phong ký hiệu AN

- Thu giữ của Đoàn Văn C:

+ 01 con dao cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại màu trắng, mũi nhọn, trên cán dao có dán giấy ghi chữ KIWI, mặt bên của dao có chữ KIWI BRAND, dài 22,7cm, lưỡi dài 11,4cm, nơi rộng nhất lưỡi dao 1,9cm, tình trạng lưỡi dao hơi cong, có dính nhiều vết màu nâu nghi máu và dị vật (được niêm phong trong phong bì ký hiệu A1);

- 01 áo thun cổ tròn, ngắn tay, màu vàng nhạt; mặt trước bên trái và lưng áo có chữ “martin & Schweppes”, tay áo trái dính nhiều vết màu nâu nghi máu;

- 01 quần vải jean màu xanh, kiểu quần lửng, mặt trước hai bên ống quần và mặt sau ống quần bên trái dính nhiều vết màu nâu nghi máu.

(Áo thun và quần được niêm phong trong phong bì ký hiệu A2).

- Thu giữ của Lê Quốc D:

+ 01 quần vải jean màu xanh, kiểu quần lửng (được niêm phong trong phong bì ký hiệu A3);

+ Mẫu tóc và máu của Lê Quốc D

Tại Kết luận giám định pháp y về tử thi số 181/KLGĐTT-KTHS ngày

02/01/2024 của Phòng K Công an tỉnh Bến Tre kết luận:

1. Các kết quả chính:

- Kết quả khám nghiệm:

+ Vết thương vùng hạ sườn phải, hình không xác định, bờ mép sắc gọn, kích thước 02cm x 01cm, chiều hướng từ dưới lên trên, từ trước ra sau, thấu vào khoang bụng, gây đứt thùy phải gan và một phần tĩnh mạch cửa.

+ Xuất huyết, tụ máu tổ chức dưới da, cơ vùng bụng tương ứng với vết thương bên ngoài.

+ Khoang bụng có khoảng 2000ml máu loãng và 500g máu đông.

+ Vết thương thùy phải gan, hình không xác định, bờ mép sắc gọn, kích thước 4,5cm x 0,5 cm.

2. Kết luận: Nạn nhân Lê Quốc D chết do suy tuần hoàn cấp hậu quả của vết thương thấu bụng.

Tại Kết luận giám định số 208/KL-KTHS ngày 15/01/2024 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

Trên các mẫu lần lượt lý hiệu A1, A2, A3 và A4 gửi giám định đều có máu người. Phân tích ADN từ các mẫu máu này được kết quả như sau:

- Kiểu gen từ mẫu máu trên ký hiệu A1, A3 và A4 trùng với kiểu gen của nạn nhân Lê Quốc D;

- Kiểu gen từ mẫu máu trên ký hiệu A2 trùng với kiểu gen của Đoàn Văn C.

Tại Kết luận giám định số 118/24/KLTTCT-TTPYBT ngày 26/4/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh B kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Văn Q tại thời điểm giám định là 01%; cơ chế hình thành vết thương do vật sắc, nhọn gây ra.

Tại Kết luận giám định số 121/24/KLTTCT-TTPYBT ngày 26/4/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh B kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Long T2 tại thời điểm giám định là 01%; cơ chế hình thành vết thương do vật sắc, nhọn gây ra.

Quá trình điều tra, Đoàn Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm chứng, kết luận giám định, vật chứng thu giữ, kết quả thực nghiệm điều tra và các chứng cứ khác đã thu thập được.

Đại diện của bị hại Lê Quốc D yêu cầu Đoàn Văn C bồi thường số tiền 285.606.595 đồng (chi phí điều trị, đám tang 105.606.595 đồng, tổn thất tinh thần 180.000.000 đồng) và cấp dưỡng cho con bị hại D là cháu Lê Nguyễn Ngọc D2 (sinh

năm 2019) đến khi cháu D2 đủ 18 tuổi, mỗi tháng 2.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý và đã tác động gia đình bồi thường được số tiền 30.000.000 đồng.

* Tại Bản cáo trạng số 41/CT-VKSBT-P1 ngày 29/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố Đoàn Văn C về “Tội giết người” theo khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận lời khai phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và phù hợp nội dung Cáo trạng.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị tuyên bố bị cáo Đoàn Văn C phạm “Tội giết người”. Áp dụng khoản 2 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đoàn Văn C từ 08 năm đến 10 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo bồi thường đại diện hợp pháp của bị hại số tiền còn lại là 255.606.595 đồng. Về xử lý vật chứng: tịch thu tiêu hủy vật chứng không có giá trị sử dụng và không có yêu cầu nhận lại. Tiếp tục tạm giữ một điện thoại của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo không tranh luận.

Đại diện hợp pháp của bị hại không tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin lỗi gia đình bị hại, xin tha thứ; bị cáo đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố về tổng thể đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện theo ủy quyền của đại diện hợp pháp của bị hại không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Việc vắng mặt người làm chứng không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên phiên tòa tiếp tục xét xử theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung: Lời khai của bị cáo kết hợp với các chứng cứ của vụ án, có cơ sở xác định: Vào khoảng 17 giờ ngày 16/12/2023, xuất phát từ mâu thuẫn trước đó nên Lê Long T2 điều khiển xe mô tô chở Lê Quốc D đuổi theo đánh Đoàn Văn C.

Khi đến đường huyện lộ 92, đoạn thuộc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre thì T2 và Dương đuổi kịp Đoàn Văn C, D dùng cây đánh vào vùng lưng của C làm xe của C bị ngã, C cầm dao bỏ đi nhưng D tiếp tục đuổi theo cầm cây gươm lên định đánh C thì bị C dùng dao đâm 01 cái vào vùng bụng phải của D làm D tử vong do suy tuần hoàn cấp hậu quả của vết thương thấu bụng.

Bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; giữa bị cáo với bị hại không có xảy ra mâu thuẫn trước đó, tuy nhiên bị hại dùng cây đánh bị cáo trước, bị cáo đã bỏ đi nhưng bị hại vẫn tiếp tục đuổi theo định đánh bị cáo nên bị cáo đã dùng dao đâm chống trả dẫn đến bị hại tử vong. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý.

Với ý thức, hành vi và hậu quả do bị cáo đã gây ra, Cáo trạng số: 41/CT-VKSBT-P1 ngày 29/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Đoàn Văn C1 về “Tội giết người” theo khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện bản tính xem thường pháp luật, coi thường mạng sống con người, đã xâm phạm tính mạng của con người trái pháp luật, gây đau thương mất mát cho gia đình bị hại không gì bù đắp được, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Hành vi của bị cáo phạm vào trường hợp rất nghiêm trọng nên cần áp dụng hình phạt tù có mức độ tương xứng nhằm cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[3] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo được hưởng: “người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại”, “người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “đầu thú”; bị cáo có con còn nhỏ và là lao động chính trong gia đình, theo quy định tại các điểm b, s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Đại diện hợp pháp của bị hại Lê Quốc D yêu cầu bị cáo C bồi thường số tiền 285.606.595 đồng (gồm chi phí điều trị, mai táng phí 105.606.595 đồng, tổn thất tinh thần 180.000.000 đồng) và cấp dưỡng cho con bị hại D là cháu Lê Nguyễn Ngọc D2 (sinh năm 2019) đến khi cháu D2 đủ 18 tuổi, mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Bị cáo đồng ý bồi thường nên ghi nhận để buộc bị cáo bồi thường. Bị cáo đã bồi thường 30.000.000 đồng chi phí mai táng. Còn phải bồi thường là 255.606.595 đồng. Đối với tiền cấp dưỡng bị cáo chỉ đồng ý cấp dưỡng theo từng tháng được ghi nhận và thực hiện theo từng tháng.

[5] Về xử lý vật chứng: Các vật chứng đã thu giữ không có yêu cầu nhận lại và

không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. Tiếp tục tạm giữ điện thoại của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[6] Về án phí: Bị cáo Đoàn Văn C phải chịu án phí theo luật định.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đoàn Văn C phạm tội “Giết người”.

Áp dụng khoản 2 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn C 08 (tám) năm tù.

Thời hạn tù được tính từ ngày 16/12/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 591 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Đoàn Văn C bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại số tiền còn lại là 255.606.595 (hai trăm năm mươi lăm triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn năm trăm chín mươi lăm) đồng.

Buộc bị cáo Đoàn Văn C cấp dưỡng nuôi con của bị hại là cháu Lê Nguyễn Ngọc D2 (sinh ngày 17/10/2019) đến khi cháu D2 đủ 18 tuổi, mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 16/12/2023, do chị Nguyễn Thị Ngọc L đại diện nhận.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy đồ vật khi bản án có hiệu lực pháp luật gồm:

- 01 (một) gói niêm phong có ghi bên ngoài: Áo thun ngắn, cổ tròn, màu vàng nhạt và 01 quần vải jean màu xanh do Đoàn Văn C giao nộp.

- 01 (một) gói niêm phong có ghi bên ngoài: Quần jean màu xanh của nạn nhân Lê Quốc D.

- 01 (một) gói niêm phong có ghi bên ngoài: 01 con dao cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại màu trắng, có chữ KIWI.

- 01 (một) kính chiếu hậu xe mô tô.

- 02 (hai) đoạn gỗ bị gãy tách còn mới. Đoạn thứ nhất dài 13cm, có cạnh không đều nhau, cạnh nơi rộng nhất 04cm, cạnh ngang rộng nhất 1,7cm; đoạn thứ hai dài 21cm, cạnh nơi rộng nhất 04cm, cạnh ngang rộng nhất 02cm.

- 01 (một) chiếc dép quai kẹp màu đen-đỏ, có chữ BITIS, đế dép mặt trên màu đen, mặt dưới màu đỏ.

- 01 (một) đoạn gỗ dài 1,02m, có cạnh 04cm x 03cm, một đầu đoạn gỗ bị gãy tách còn mới, đầu còn lại của đoạn gỗ có dính nhiều vết màu nâu nghi máu dạng vết.

Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Đoàn Văn C 01 (một) điện thoại di động, hiệu Iphone màu trắng, mặt trước màu đen, mặt lưng điện thoại có vết móp, cường lực dán điện thoại bị rạn nứt (không khởi động được). Trong phong bì niêm phong, ký hiệu ĐTC.

(Đồ vật trên theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/7/2024 hiện Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre đang quản lý)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Án phí bị cáo Đoàn Văn C phải chịu (nộp) gồm: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm; 12.780.300 (mười hai triệu bảy trăm tám mươi nghìn ba trăm) đồng (làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí về cấp dưỡng.

5. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền làm đơn kháng cáo Bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1b);
- Vụ GDKT I – Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã T, huyện T (1b);
- Trại tạm giam CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Bị cáo (1b);
- ĐDHP của bị hại (1b);
- Thi hành án hình sự (3b);
- Tòa Hình sự, Phòng KTNV&THA, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (4b).
- Lưu Hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tỉnh